

Số: *A0*/2021/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày *25* tháng *11* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình
thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 160/TTr-STP ngày 09 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Cơ quan chuyên môn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị

xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2021 và thay thế Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp (*Kiểm tra*);
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh (*Giám sát*);
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (*Tự kiểm tra*);
- Trung tâm Công báo tin học (*đăng CB*);
- Lưu: VT, NC (T).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Xuân Thu Vân

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành
pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

*(Kèm theo Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung và hoạt động phối hợp; trách nhiệm phối hợp; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (*sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã*) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch.
2. Hoạt động phối hợp được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương không trùng lặp, chồng chéo và làm cản trở hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị có liên quan.
3. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải được thực hiện một cách thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.
4. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị; huy động sự tham gia của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cơ quan thông tin đại chúng, Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 4. Hình thức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
2. Kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

3. Thu thập, cung cấp, tiếp nhận, xử lý thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
4. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
5. Báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
6. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Xem xét, đánh giá tính kịp thời, đầy đủ; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và tính khả thi của văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật.
2. Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật.
3. Xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật.
4. Kiểm tra, điều tra, khảo sát, xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
5. Báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN TRONG CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 6. Xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Hàng năm, căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.
2. Trên cơ sở Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực được xác định trong kế hoạch và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, địa bàn quản lý; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh không liên quan đến lĩnh vực trọng tâm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế hoặc lĩnh vực theo dõi của ngành để xây dựng, ban hành kế hoạch tại cơ quan, đơn vị.
3. Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực tiễn thi hành pháp luật tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật và tổ chức triển khai thực hiện.
4. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được gửi cho Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp; Kế hoạch theo dõi tình

hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được gửi cho Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến Phòng Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

5. Nội dung Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Điều 7. Kiểm tra, điều tra, khảo sát, xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hoặc khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành.

Nội dung kiểm tra, quyết định thành lập Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

Hoạt động điều tra, khảo sát được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hoặc khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát thực hiện theo các nội dung được quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phiếu điều tra khảo sát, huy động cộng tác viên tham gia hoạt động điều tra, khảo sát.

3. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã kiến nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền theo các nội dung quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 8. Xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thường xuyên tổ chức cập nhật, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước Trung ương mới ban hành, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xác định nội dung được giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết hoặc nội dung do Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập danh mục văn bản quy định chi tiết gửi Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành hoặc quyết định trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

b) Căn cứ danh mục văn bản được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công chức phụ trách pháp chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan soạn thảo văn bản quy định chi tiết đảm bảo đầy đủ nội dung được giao, đúng tiến độ, đạt chất lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Sở Tư pháp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước trên địa bàn tỉnh theo danh mục được ban hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện được Luật, nghị quyết của Quốc hội giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm rà soát, xác định nội dung được giao cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản quy định chi tiết, lập danh mục văn bản quy định chi tiết gửi Phòng Tư pháp.

Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập và trình Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định ban hành danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định chi tiết.

b) Căn cứ danh mục văn bản được Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tham mưu thực hiện soạn thảo văn bản quy định chi tiết đảm bảo đầy đủ nội dung được giao, đúng tiến độ, đạt chất lượng theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã được Luật, nghị quyết của Quốc hội giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, xác định nội dung được giao cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản quy định chi tiết, lập danh mục gửi công chức Tư pháp - Hộ tịch.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp công chức Văn phòng - Thống kê và các đơn vị có liên quan lập và trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định chi tiết luật.

b) Căn cứ danh mục văn bản được Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phân công công chức chuyên môn tham mưu thực hiện việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

4. Trên cơ sở thực hiện các nội dung được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp kết quả tổ chức thực hiện gửi cơ quan Tư pháp cùng cấp để theo dõi.

Căn cứ nội dung được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP; tổng hợp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết.

Điều 9. Xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thường xuyên tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành; tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, trên các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; kịp thời rà soát phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, mâu thuẫn với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và kiến nghị hình thức xử lý gửi về cơ quan Tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch trên cơ sở xem xét, phân tích, tổng hợp các nguồn thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, lập danh mục các văn bản quy định chi tiết không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, mâu thuẫn với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 10. Xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết

1. Căn cứ nguồn thông tin được quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm đánh giá về tính khả thi của văn bản quy định chi tiết thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã phát hiện văn bản quy định chi tiết thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước có nội dung không đảm bảo tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, đánh giá nguyên nhân, kiến nghị hình thức xử lý, gửi cơ quan Tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch xem xét, phân tích, tổng hợp các nguồn thông tin được quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không đảm bảo tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 11. Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật; về tổ chức bộ máy, số lượng, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức; về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất bảo đảm đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật gửi cơ quan Tư pháp, Nội vụ, Tài chính để tổng hợp, xử lý theo quy định.

2. Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ và Phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp, phân tích, xem xét các kiến nghị của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý và gửi kết quả về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

3. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, xem xét các kiến nghị của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để tham mưu giúp Ủy ban

nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 12. Xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TT-BTP để đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật, xác định nguyên nhân của tình hình vi phạm; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để kịp thời tổ chức thi hành pháp luật, xử lý các vi phạm nhằm đảm bảo tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và áp dụng pháp luật, thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật, gửi cơ quan Tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - Hộ tịch xem xét, phân tích, tổng hợp các kiến nghị của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 13. Thu thập, tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật bao gồm những thông tin có nội dung quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật được thu thập, tiếp nhận từ các nguồn quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền bằng các hình thức: Gửi văn bản đến cơ quan; liên hệ trực tiếp tại nơi tiếp công dân; qua Trang Thông tin điện tử; qua số điện thoại cơ quan, đường dây nóng; qua hòm thư điện tử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm thu thập, tiếp nhận thông tin về tình hình thi hành pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều này; giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp nghiên cứu, phân tích, so sánh, đối chiếu và đánh giá thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý.

Trường hợp cần làm rõ tính chính xác, khách quan của thông tin đã được thu thập, tiếp nhận, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, giải trình bằng văn bản những vấn đề liên quan; tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế (nếu thấy cần thiết).

Điều 14. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực, địa bàn quản lý trong các trường hợp sau đây:

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hàng năm về Sở Tư pháp trước ngày 03 tháng 12 của kỳ báo cáo để tổng hợp. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

2. Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp và thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo các điều kiện cần thiết trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

5. Tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn kiểm tra liên ngành công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

6. Căn cứ vào yêu cầu công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và điều kiện thực tế, huy động đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật làm Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

7. Trực tiếp theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên môn.

8. Đề xuất, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan tổng hợp xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả tình hình thi hành pháp luật gửi Bộ Tư pháp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị trên cơ sở lĩnh vực trọng tâm liên quan đến ngành theo Kế hoạch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và lĩnh vực theo dõi thi hành pháp luật được ngành xác định.

3. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực ngành được giao quản lý.

4. Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi, lĩnh vực ngành được giao quản lý.

6. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo thời gian quy định theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về công tác theo dõi thi hành pháp luật trong phạm vi địa phương quản lý.

2. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình

thi hành pháp luật thuộc địa phương quản lý; xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật tại địa phương.

4. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo thời gian quy định theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Phòng Tư pháp tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định pháp luật và nội dung Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Báo Bạc Liêu, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh

a) Chịu trách nhiệm việc cập nhật, thu thập, đưa tin, phản ánh dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và kịp thời đăng tải, đưa tin đầy đủ, chính xác các nội dung thông tin, phản ánh.

b) Phối hợp cung cấp, nắm bắt thông tin ý kiến phản ánh của tổ chức, cá nhân, dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật cho Sở Tư pháp khi có yêu cầu.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin phản ánh, kiến nghị của Nhân dân thông qua hoạt động giám sát về tình hình thi hành pháp luật.

3. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử.

4. Đề nghị Hội Luật gia, Đoàn Luật sư cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật.

5. Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh cung cấp ý kiến, phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác;

Đề nghị các cơ quan, đơn vị được quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này cung cấp thông tin, phản ánh, kiến nghị, các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều kiện đảm bảo thi hành pháp luật

Kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước về theo dõi tình hình thi hành pháp luật do nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quy chế này.

Giám đốc Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc triển khai thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.